TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2024**/HNGĐ-ST.
Ngày: 04/01/2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Lương Quang Thanh**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rạng Đông

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Trần Thị Hiền Phương** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: **Ông Lê Văn Chung –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 229/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18/08/2023 về việc: *"Xin ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988**

Địa chỉ: Tổ H, khu phố F, phường A, P, Kiên Giang

*** Bị đơn: Anh Lê Đức N, sinh năm 1988**

Địa chỉ: Tổ H, khu phố F, phường A, P, Kiên Giang

Chị T, anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2016, quyết định tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A (nay là phường A) vào năm 2016. Trong quá trình chung sống anh N và chị T không có con chung. Đến năm 2019, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, anh N thường xuyên xúc

phạm danh dự nhân phẩm chị T, thậm chí có lần cầm dao kề cổ chị T đe doạ. Chị T đã nhiều lần khuyên nhủ động viên nhưng anh N không thay đổi mà bỏ nhà đi thường xuyên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị không chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Chị T không còn tình cảm, không muốn chung sống với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình chung sống, không tạo dựng được tài sản gì chung và cam kết không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không lên Tòa án giải quyết và vắng mặt trong các lần triệu tập tại Tòa án mà không thông báo lý do. Nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tuy nhiên vụ án đến nay đã quá thời hạn xét xử. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng. Về thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử không thông báo lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Đức N.

Về con chung: Quá trình chung sống không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về công nợ chung: Chị T cam kết và xác nhận không có nợ chung và không đề nghị xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Đức N đã được Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật để triệu tập lấy lời khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không thông báo lý do, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện và các biên bản lời khai chị T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng giữa anh N và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, anh N thường hay xúc phạm danh dự nhân phẩm và sức khoẻ chị T dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không còn sống chung hơn 02 năm nay. Xét thấy hôn nhân của chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp, hiện nay chị T không còn tình cảm vợ chồng và không muốn sống chung với anh N, thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn hạnh phúc nên HĐXX chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Đức N.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh N và chị T không có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Lê Đức N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng pháp luật:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Đức N.

- Về con chung: Chị T và anh N không có con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Đức N không phải chịu án phí. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009430 ngày 15/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, nay được khấu trừ tiền án phí, chị T đã nộp xong án phí.

Án xử công khai, báo cho chị T và anh N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; LưuVP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang Thanh